

VĂN HÓA ĐÍCH TRONG DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH NHƯ NGÔN NGỮ TOÀN CẦU

PHAM THI NGOC MAI¹

MAI VĂN CÂN²

Abstract: The article focuses on the identification of “target culture” in the acquisition of English in the world today. Specifically, it addresses the target culture in using English as the global language as a “culture-free version of English - a tool of “intercultural” and “multicultural” communication. It challenges the assumption that the culture of English speaking countries in the Inner circle of Kachru’s Three Concentric Circles Model of English is the only component that makes up the culture of English as the global language. Also, the article proposes some teaching and learning macro strategies for this version of English.

Key words: *English, global English, native English, non-native English, target language, ...*

1. Giới thiệu

Trong thụ đắc và sử dụng tiếng Anh như là ngôn ngữ đích (target language), người Việt dường như có khuynh hướng coi văn hóa tiếng Anh bản ngữ, tức là văn hóa của những nước nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, là văn hóa đích (target culture). Tuy nhiên, có một thực tế khó phủ nhận là tiếng Anh ngày nay đã không còn đơn giản là tiếng Anh của người bản ngữ nữa. Nó đã trở thành ngôn ngữ toàn cầu hay ngôn ngữ quốc tế được tạo nên không chỉ bởi tiếng Anh có văn hóa bản ngữ mà còn bởi nhiều “phiên bản tiếng Anh” khác (Englishes) có văn hóa phi bản ngữ. Vì vậy, hướng tiếp cận hình thành kỹ năng giao tiếp rập khuôn từ người nói tiếng Anh bản ngữ, thoát nghe tương như đúng với nguyên tắc của quá trình học một ngoại ngữ nhưng xét cho cùng là thiếu thực tế, thiếu quan sát dẫn đến bất khả thi. Từ đó, bài viết dưới đây thảo luận về “văn hóa đích” trong việc thụ đắc tiếng Anh toàn cầu, đồng thời đề xuất định hướng dạy và học tiếng Anh toàn cầu. Nói cụ thể hơn, bài viết bàn về triết lý thụ đắc văn hóa trong việc sử dụng tiếng Anh ngày nay bằng cách hướng đến một phiên bản văn hóa tiếng Anh như là một công cụ “giao tiếp liên văn hóa” (intercultural communication), giao tiếp đa văn hóa (multicultural communication) và cũng là “giao tiếp phi văn hóa” (culture-free communication).

2. Tiếng Anh và ngôn ngữ toàn cầu

2.1. Nhu cầu về một ngôn ngữ trung gian cho thế giới

Khi hai người hoặc thông thường là rất đông người nói khác ngôn ngữ giao tiếp với nhau thì không có cách gì để họ hiểu nhau. Giải pháp học tiếng của nhau có khi là thiếu thực tế vì họ phải học quá nhiều thứ tiếng và có phần chắc là ngôn ngữ thì rất khó học. Vì vậy, “chưa bao giờ có một

¹ ThS, Trường Đại học Kinh tế và Công nghiệp Long An

² ThS, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

nhu cầu về một ngôn ngữ toàn cầu bức thiết đến thế” [3, tr. 14]. Nói cách khác, khi con người giao tiếp với nhau ở cấp độ toàn cầu, phương tiện đầu tiên và trước mắt mà họ cần có là một ngôn ngữ trung gian (lingua franca), một ngôn ngữ chung giữa đối tác giao tiếp ngoài tiếng mẹ đẻ của họ.

2.2. Ngôn ngữ trung gian trong giao tiếp toàn cầu

Có thể hiểu ngôn ngữ trung gian trong giao tiếp toàn cầu (global lingua franca) chỉ ra bất kỳ một hình thức ngôn ngữ nào nếu nó được coi là phương tiện giao tiếp bởi đông đảo những người có bản ngữ khác nhau trên thế giới. Theo từ điển *The Cambridge Encyclopedia of the English Language* [4], “lingua franca” vốn có lai lịch ở các cảng biển Địa Trung Hải từ thời trung cổ khi mà các nhà buôn có ngôn ngữ khác nhau đến từ khắp nơi trên thế giới, vì mục đích làm ăn, mua bán nên buộc phải giao tiếp với nhau. Để hiểu được nhau, họ phải nói, hay chính xác hơn là “sáng chế” ra một ngôn ngữ chung, có đặc tính hỗn hợp, “chắp vá” giữa các từ ngữ của tiếng Hy Lạp, Pháp, Tây Ban Nha và Ả Rập. Về sau thuật ngữ này được dùng như một từ ẩn dụ chỉ “loại ngôn ngữ giao tiếp” bởi những người không có chung tiếng mẹ đẻ và văn hóa [5, tr. 240].

Với đặc thù đó của ngôn ngữ trung gian, khi so sánh với việc sử dụng tiếng Anh ngày nay trên thế giới, chúng ta hoàn toàn có thể thấy tiếng Anh là một “lingua franca” toàn cầu, tức là ngôn ngữ trung gian để giao tiếp giữa ít nhất là 2 người có sở hữu riêng về tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp quốc tế. Một ví dụ rất dễ hình dung là người Việt nói tiếng Việt giao tiếp với người Thái nói tiếng Thái bằng một ngôn ngữ trung gian thứ ba: tiếng Anh. Nói cụ thể hơn, trong thời kì hậu hiện đại (post-modern), khi tiếng Anh được vài tỉ người trên thế giới sử dụng, không giới hạn địa lí, văn hóa, xã hội, mục đích,... thì có lẽ không còn ai phủ nhận nó là một loại “ngôn ngữ giao tiếp toàn cầu” (global language), thường được nói tắt là tiếng Anh toàn cầu.

2.3. Tiếng Anh toàn cầu qua miêu tả của một số học giả

Kachru [7] đề nghị mô hình *Ba vòng tròn đồng tâm* (Model of Three Concentric Circles) cho tiếng Anh được sử dụng rộng rãi ngày nay sau đây:

1) Vòng tâm (Inner Circle), gồm những quốc gia nói tiếng Anh bản ngữ như Anh, Mỹ, Australia, Canada, New Zealand,...

2) Vòng ngoài (vòng giữa) (Outer Circle), gồm những quốc gia nói tiếng Anh như ngôn ngữ 2, được dùng như ngôn ngữ hành chính (official language) trong một số quốc gia không có ngôn ngữ toàn dân vì lí do đa chủng tộc, đa ngôn ngữ,... thường là ở các nước từng là thuộc địa của những cường quốc nói tiếng Anh ở vòng tâm.

3) Vòng mở rộng (Expanding Circle), gồm tất cả các quốc gia còn lại nơi tiếng Anh được sử dụng như một ngoại ngữ, không phải là ngôn ngữ chính thức. Tuy nhiên tiếng Anh được sử dụng như một ngoại ngữ lại có vai trò quan trọng trong giao tiếp liên văn hóa toàn cầu vì nó chính là một phiên bản tiếng Anh mới, xuất phát từ hệ quả có quá nhiều người sử dụng (con số lên đến hàng tỉ người) thông qua quá trình toàn cầu hóa - một quá trình cần có sự giao lưu chặt chẽ, hữu nghị giữa các dân tộc có ngôn ngữ và văn hóa khác nhau nhưng lại hướng đến mục đích giống

nhau là cùng nhau đạt đến sự thịnh vượng có tính cộng sinh. Ứng với sơ đồ của Kachru, Kirkpatrick [8] chia tiếng Anh theo các biến thể như sau:

- 1) Bản ngữ (Native varieties): là tiếng Anh ứng với vòng tâm của sơ đồ Kachru.
- 2) Bản ngữ hóa: (Nativised varieties): là loại tiếng Anh ứng với vòng ngoài của sơ đồ Kachru, thường bị ảnh hưởng mạnh từ vòng tâm.
- 3) Ngoại ngữ: là loại tiếng Anh ứng với vòng mở rộng với chức năng như là một “ngôn ngữ bổ sung” khi tiếng mẹ đẻ của nước đó là tiếng toàn dân, ngay cả đó là một ngôn ngữ có tính toàn dân không được công nhận trong hiến pháp vì một lí do nào đó (de-facto language).

Jenkins [6] cho rằng tiếng Anh theo sự nhận diện của Kachru và Kirkpatrick được tạo nên bởi những “loại/phiên bản tiếng Anh” (Englishes) mà mỗi phiên bản càng lúc càng có đặc thù riêng, không nên coi đó là “lỗi” mà cần được phân tích và tôn trọng. Theo Ngô Hữu Hoàng [1], hình thức số nhiều của “Englishes” ở đây không phải đơn giản chỉ là sự phái sinh ngữ pháp mà là một cách để Jenkin nhấn mạnh tiếng Anh đã vượt qua khái niệm như là một ngôn ngữ của người nói tiếng Anh bản ngữ để có “những” tiếng Anh khác, hầu hết đều được công nhận vì đã được tiếp biến văn hóa (acculturation) cho phù hợp với hoàn cảnh văn hóa - xã hội của đất nước ấy [8]. Từ đó chúng tôi hoàn toàn chia sẻ với McKay [9, tr. 132] khi tác giả này đã đưa ra một định nghĩa xuyên suốt như sau: “Tiếng Anh như ngôn ngữ quốc tế được dùng bởi người bản ngữ nói tiếng Anh, người song ngữ tiếng Anh cho mục đích giao tiếp giao văn hóa. Tiếng Anh như ngôn ngữ quốc tế cũng có thể được dùng cả về quy mô cục bộ nơi người nói có nền văn hóa và ngôn ngữ đa dạng trong một quốc gia nào đó và quy mô toàn cầu giữa người nói từ nhiều quốc gia”.

Theo quan sát của chúng tôi, quy mô “cục bộ” và “quy mô toàn cầu” đã làm cho tiếng Anh trở thành một phiên bản tiếng Anh được dùng “bởi thế giới và cho cả thế giới” [1], vì vậy loại tiếng Anh này còn có thêm một tên gọi nữa là “tiếng Anh thế giới” (World English) để gọi tên tiếng Anh trong giao tiếp liên văn hóa ngày nay.

2.4. Đặc điểm ngôn ngữ học xã hội của tiếng Anh toàn cầu

...thứ hai

nhau là cùng nhau đạt đến sự thịnh vượng có tính cộng sinh. Ứng với sơ đồ của Kachru, Kirkpatrick [8] chia tiếng Anh theo các biến thể như sau:

1) Bản ngữ (Native varieties): là tiếng Anh ứng với vòng tâm của sơ đồ Kachru.

2) Bản ngữ hóa: (Nativised varieties): là loại tiếng Anh ứng với vòng ngoài của sơ đồ Kachru, thường bị ảnh hưởng mạnh từ vòng tâm.

3) Ngoại ngữ: là loại tiếng Anh ứng với vòng mở rộng với chức năng như là một “ngôn ngữ bổ sung” khi tiếng mẹ đẻ của nước đó là tiếng toàn dân, ngay cả đó là một ngôn ngữ có tính toàn dân không được công nhận trong hiến pháp vì một lí do nào đó (de-facto language).

Jenkins [6] cho rằng tiếng Anh theo sự nhận diện của Kachru và Kirkpatrick được tạo nên bởi những “loại/phiên bản tiếng Anh” (Englishes) mà mỗi phiên bản càng lúc càng có đặc thù riêng, không nên coi đó là “lỗi” mà cần được phân tích và tôn trọng. Theo Ngô Hữu Hoàng [1], hình thức số nhiều của “Englishes” ở đây không phải đơn giản chỉ là sự phái sinh ngữ pháp mà là một cách để Jenkin nhấn mạnh tiếng Anh đã vượt qua khái niệm như là một ngôn ngữ của người nói tiếng Anh bản ngữ để có “những” tiếng Anh khác, hầu hết đều được công nhận vì đã được tiếp biến văn hóa (acculturation) cho phù hợp với hoàn cảnh văn hóa - xã hội của đất nước ấy [8]. Từ đó chúng tôi hoàn toàn chia sẻ với McKay [9, tr. 132] khi tác giả này đã đưa ra một định nghĩa xuyên suốt như sau: “Tiếng Anh như ngôn ngữ quốc tế được dùng bởi người bản ngữ nói tiếng Anh, người song ngữ tiếng Anh cho mục đích giao tiếp giao văn hóa. Tiếng Anh như ngôn ngữ quốc tế cũng có thể được dùng cả về quy mô cục bộ nơi người nói có nền văn hóa và ngôn ngữ đa dạng trong một quốc gia nào đó và quy mô toàn cầu giữa người nói từ nhiều quốc gia”.

Theo quan sát của chúng tôi, quy mô “cục bộ” và “quy mô toàn cầu” đã làm cho tiếng Anh trở thành một phiên bản tiếng Anh được dùng “bởi thế giới và cho cả thế giới” [1], vì vậy loại tiếng Anh này còn có thêm một tên gọi nữa là “tiếng Anh thế giới” (World English) để gọi tên tiếng Anh trong giao tiếp liên văn hóa ngày nay.

2.4. Đặc điểm ngôn ngữ học xã hội của tiếng Anh toàn cầu

Như đã biết, vị thế của tiếng Anh ngày nay không giống như bất cứ một ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ nào khác (tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Nga,...) vì quy mô sử dụng và vị thế của nó rất lớn, cơ bản được thể hiện ít nhất qua ba nội dung “đa dạng” (diversity):

(i) *Số lượng người sử dụng*: Tổng số những người nói tiếng Anh như là ngôn ngữ thứ nhất, như là ngôn ngữ thứ hai và như là một ngoại ngữ chiếm một tỉ lệ không dưới 1/3 dân số thế giới. Con số này ngày nay không ngừng tăng lên đặc biệt là ở khu vực vòng Mở rộng.

(ii) *Quốc tịch, quốc gia, văn hóa, dân tộc giữa các thành viên tham gia giao tiếp*: những đặc điểm này tạo sự khác biệt giữa tiếng Anh với bất kì một ngôn ngữ nào khác, dù ngôn ngữ ấy cũng có số lượng người sử dụng lên đến hàng tỉ nhưng chỉ ở quy mô quốc gia hay khu vực, ví dụ như tiếng Trung.

(iii) *Mục đích giao tiếp*: Tiếng Anh đã trở thành một yêu cầu như là một kỹ năng cơ bản trong hoạt động công việc của cá nhân, tập thể, cơ quan ở hầu hết các lĩnh vực trên thế giới với nhiều mục đích khác nhau.

Có thể nói tiếng Anh có khuynh hướng vượt lên bản chất thông thường của một bản ngữ, ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ bình thường như các thứ tiếng khác trên thế giới. Nó đã trở thành một ngôn ngữ công cụ phục vụ chẳng những cho giao tiếp với người bản ngữ mà còn cho giao tiếp toàn cầu. Nói cụ thể hơn, khi học tiếng Anh để nói chuyện với người Anh thì đó chỉ là một mục tiêu hạn hẹp cho việc học tiếng Anh ngày nay vì người ta học tiếng Anh để giao tiếp với hàng tỉ người không phải người nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ.

2.5. Tiếng Anh toàn cầu là một phiên bản có chuẩn mực văn hóa mới

Vì tiếng Anh toàn cầu là một phiên bản ngữ dụng, “bị thay đổi một cách không dự đoán được chính là vì nó ở trong tay của quá nhiều người” [4, tr.15] nên khái niệm “chuẩn” về văn hóa cũng đã, đang và sẽ thay đổi. Bởi lẽ, quy luật bản ngữ do tiếng Anh ở vòng tâm quy định được gọi là “chuẩn” trở nên rất hạn chế, khó có thể “quán xuyên” được hết sự biến đổi về văn hóa của tiếng Anh khi nó được sử dụng ở hầu hết các nền văn hóa ở vòng ngoài và vòng mở rộng. Ví dụ, người Ấn Độ hỏi tên người khác là “What’s your good name?” thay vì tiếng Anh bản ngữ là “What’s your name?” Trong trường hợp như thế, tiếng Anh của người Ấn Độ có gì là “lỗi”? Vì vậy, những phiên bản tiếng Anh có tên gọi như “Indish” (tiếng Anh Ấn Độ), Singlish (tiếng Anh Singapore), v.v... và cũng không loại trừ Vietlish (tiếng Anh của người Việt), theo chúng tôi, đều có thể được coi là có giá trị tham gia hình thành nên văn hóa tiếng Anh toàn cầu.

Nói cách khác, thế giới đã và đang dùng tiếng Anh theo hướng “tương nhượng” (compromise), “chấp nhận” (adoption), “thích nghi” (adaptation), “khoan dung” (tolerance), “thấu hiểu” (understanding), chủ yếu hướng đến sự thành công trong giao tiếp hơn là hướng về một “chuẩn mực vừa khắt khe vừa hạn chế vốn xuất phát từ vòng tâm. Đứng về mặt khoa học, việc xem những sáng tạo, những thay đổi hành vi giao tiếp của người dùng tiếng Anh ở vòng ngoài và vòng mở rộng là lỗi “chuyển di tiêu cực” (negative transfer) của lý thuyết xuyên ngôn (interlanguage theory) (Selinker, 1972) có thể đã lỗi thời.

Như vậy, trong sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ toàn cầu, khó nói ai sẽ là người mang đến hoặc quy định văn hóa đích. Văn hóa đích có thể là văn hóa của chính những người tham gia giao tiếp bằng tiếng Anh trong ngữ cảnh nhất định, ở đó hầu như không có sự can thiệp gì của người nói tiếng Anh ở vòng tâm. Hãy quan sát mẫu đối thoại dưới đây của một du khách người Mỹ và một cô gái người Việt:

Du khách người Mỹ: *Your English is very good.*

Cô gái người Việt: *Oh, no, I don't think so. I think I have to try more.*

Ai cũng biết văn hóa Mỹ chỉ mong chờ một lời cảm ơn, kiểu như “thanks/thank you” là ổn khi họ khen ngợi ai đó. Tuy nhiên, khi nghe phản ứng của cô gái Việt được khen ngợi không theo

mong đợi, không theo “cái làm sẵn” trong đầu mình thì liệu anh du khách người Mỹ có quyền nói cô gái người Việt nói tiếng Anh “không chuẩn” về mặt ngữ dụng học, tức là về mặt văn hóa, tư duy không? Bởi lẽ, cô gái người Việt dùng tiếng Anh như là công cụ giao tiếp để bộc lộ hành vi văn hóa khiêm tốn của mình thay vì phải đối đáp đúng với cách nói văn hóa được làm sẵn của anh người Mỹ. Ngộ nhỡ du khách đó là người Nhật nói tiếng Anh thì sao? Từ đó, chúng tôi hoàn toàn chia sẻ với quan điểm của Smith (1983) chỉ ra ba đặc thù trong học một ngôn ngữ như ngôn ngữ quốc tế (toàn cầu) như sau:

- 1) Người học không cần phải tự mình bị đồng hóa/nội thức hóa (internalize) với các chuẩn mực văn hóa của người nói ngôn ngữ đang học.
- 2) Quyền sở hữu ngôn ngữ quốc tế không thuộc về một quốc gia dân tộc nào.
- 3) Mục tiêu giáo dục của ngôn ngữ quốc tế là thúc đẩy người học giao tiếp bằng chính ý nghĩ và văn hóa của họ với người khác.

Thật vậy, đây là những nguyên tắc mà người học tiếng Anh cần suy nghĩ để giao tiếp liên văn hóa. Bởi lẽ, việc phải dùng ngôn ngữ trung gian để giao tiếp là một nhu cầu không thể tránh khỏi nhưng sử dụng ngôn ngữ ấy không có nghĩa là đánh mất văn hóa của mình trước văn hóa của người bản ngữ nói thứ tiếng trung gian ấy bằng cách bắt chước rập khuôn theo hành vi văn hóa của họ. Giao tiếp là sự phản ánh cách thức tri nhận thế giới, suy nghĩ, hành vi, phong tục và cuộc sống hàng ngày của con người một cách vô hạn. Khi giao tiếp, con người cần tìm cách diễn đạt cái vô hạn ấy thông qua tiếng Anh như là một phương tiện truyền tải chứ không phải tiếng Anh sản sinh hay quy định cái vô hạn ấy.

Chẳng hạn, cộng đồng thuộc văn hóa lúa nước Đông Nam Á chưa chắc đã tri nhận, sức mạnh con người thông qua hình tượng con ngựa như văn hóa của người Anglo-Saxon. Cho nên hướng tiếp cận tiếng Anh theo kiểu phải nói “as strong as a horse” (khỏe như ngựa) như văn hóa tiếng Anh bản ngữ chỉ là một trong những sự diễn đạt. Cơ hội học hỏi, trao đổi văn hóa lẫn nhau giữa những người tham gia giao tiếp toàn cầu còn có thể thông qua cách nói khác như “as strong as an elephant/buffalo” (khỏe như voi/trâu) thì câu trúc này có gì là “lỗi”? Người nghe, nếu không thuộc về văn hóa lúa nước hoặc văn hóa vùng nhiệt đới, có lẽ sẽ học được một điều gì đó từ một sự tương đồng giữa “horse” (con ngựa) và “elephant” (con voi) hay “buffalo” (con trâu) trong tri nhận về sức mạnh của các loại hình văn hóa. Tất cả những phiên bản văn hóa này đều cần được tôn trọng như nhau trong sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ quốc tế để truyền tải.

3. Xác định văn hóa đích trong dạy tiếng Anh như ngôn ngữ toàn cầu

Chúng tôi chia sẻ với nhận định của Will Baker [2, tr. 567]: “Trong bối cảnh đa văn hóa, đa ngôn ngữ buộc phải có tiếng Anh như ngôn ngữ chung để giao tiếp thì việc cố gắng đưa ra một khái niệm tương ứng Ngôn ngữ - Văn hóa chắc chắn được coi là một việc làm ấu trĩ”.

Thật vậy, nếu mặc nhiên coi tiếng Anh là “ngôn ngữ toàn cầu” thì văn hóa bản ngữ của nó có vẻ không quán xuyến nổi với tư cách là văn hóa đích trong việc thụ đắc ngôn ngữ này. Từ đó, việc

xác định một “văn hóa chung” thuộc về tất cả những ai sử dụng tiếng Anh là một nhu cầu thực tế. Khi Wardhaugh [13, tr.17] nói, “tiếng Anh thuộc về tất cả mọi người mà cũng không thuộc về ai cả” thì có lẽ tác giả này muốn nói đến văn hóa trong tiếng Anh toàn cầu, một loại ngôn ngữ trung gian dùng để giao tiếp chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi nhiều nền văn hóa trực tiếp sử dụng nó. Thật vậy, lập trường phản biện hậu hiện đại phản đối khái niệm văn hóa và ngôn ngữ như là những thực thể đồng nhất bất di bất dịch. Những lý thuyết này đưa ra một đường hướng năng động và đa dạng hơn về văn hóa và phản đối việc coi ngôn ngữ, văn hóa và bản sắc dân tộc là một khái niệm đánh đồng đơn giản.

Theo đó, một ngôn ngữ có vị thế ngôn ngữ toàn cầu như tiếng Anh ngày nay ắt phải có tương ứng với rất nhiều loại hình văn hóa sử dụng tiếng Anh vòng ngoài và vòng mở rộng, ở đó lượng người nói tiếng Anh phi bản ngữ vượt lên người nói tiếng Anh bản ngữ, dẫn đến tình trạng không có một nền văn hóa nào được nhận ra một cách rõ nét trừ trường hợp người học vẫn cố xác định văn hóa tiếng Anh bản ngữ làm trung tâm một cách khiên cưỡng.

Có thể nói, một khái niệm văn hóa mới và mối quan hệ giữa nó với ngôn ngữ (tiếng Anh) như là công cụ giao tiếp liên văn hóa đang nổi lên, ở đó hầu hết các nền văn hóa đều có mặt, người nói được diễn đạt chính mình và được chấp nhận với một tinh thần bình đẳng hơn là sự áp đặt. Điều đó chứng minh văn hoá trong cái gọi là “tiếng Anh toàn cầu” là một hình thái “phi văn hoá” (culture free) với sự tương nhượng, chấp nhận, thích nghi, tôn trọng và hiểu biết nhau. Sự can thiệp của văn hoá bản ngữ tiếng Anh trong trường hợp không cần thiết đều có thể được coi không phù hợp. Mẫu đối thoại sau đây giữa một người phụ nữ Việt (là người vợ) đi cùng với một người đàn ông nước ngoài đến từ Thụy Sĩ (là người chồng), du lịch trên một chuyến tàu thống nhất Bắc-Nam mà Ngô Hữu Hoàng [1] ghi nhận được sẽ phân nào chứng minh được ý kiến trên:

Vợ: *If you want to go Hue we must stop station here here* (vừa nói vừa chỉ tay ra của sổ tàu)
(Nếu anh muốn đi Huế thì mình phải xuống ga này)

Chồng: *But what station?* (Ga gì?)

Vợ: *Ga Hue station*

Chồng: *No I don't want...* (Không anh không muốn,...)

Vợ: *Hue very beautiful we go Hue one week and we go home.* (Huế rất đẹp mình đi Huế một tuần rồi mình về)

Chồng: (có vẻ dứt khoát): *We stop at Da Nang and we go visit Non Nuoc...* (Mình dừng lại Đà Nẵng rồi đi thăm Non Nước),...

Vợ (cười): *Ok!*

Theo Ngô Hữu Hoàng [1], hai người, một từ văn hóa Việt, một từ văn hóa của đất nước Thụy Sĩ xa xôi, nói tiếng Anh theo kiểu ngẫu hợp văn hoá giữa hai dân tộc và hầu như họ không bị một rào cản văn hóa đáng kể nào nữa. Những thông tin, những ý đồ giao tiếp đều được giải quyết mà

không cần mang đậm chuẩn tắc văn hóa giao tiếp của cái gọi là “tiếng Anh bản ngữ” với những cấu trúc câu kì, những “dấu hiệu” (markers) đầy tính dụng học của người Anh, người Mỹ,... mà với họ là không cần thiết. Tất nhiên, ngay cả về hình thức ngôn ngữ, họ cũng không quan tâm nhiều đến ngữ pháp, không cố gắng đúng ngữ pháp, dùng chất giọng Anh, không cố pha phách những âm vị uốn éo câu kì của Mỹ, Úc.... Giữa họ, tiếng Anh đơn giản chỉ là một thứ tiếng thứ 3, trung gian giữa tiếng Thụy Sĩ của người chồng và tiếng Việt của người vợ như là một ngôn ngữ toàn cầu thuộc về bản sắc của chính họ.

4. Đề xuất chiến lược giảng dạy tiếng Anh như ngôn ngữ toàn cầu

Có một nguyên tắc trong việc dạy một ngoại ngữ là coi kiến thức văn hóa đích như là “kĩ năng thứ năm”, xuyên suốt bốn kĩ năng của ngôn ngữ đích là *Nghe, Nói, Đọc, Viết* [12]. Với nguyên tắc này, quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trong việc dạy thêm một ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ 1 là vấn đề bất tất phải bàn cãi. Tuy nhiên, qua thảo luận trên về vị thế và đặc thù của tiếng Anh như ngôn ngữ toàn cầu, trả lời cho câu hỏi người học có nhất thiết phải được đào tạo theo định hướng bản ngữ của tiếng Anh vòng Tâm không vẫn còn gây tranh cãi ở các quốc gia dùng tiếng Anh phi bản ngữ, đặc biệt là ở Việt Nam.

Thật vậy, trong thực tế, vị thế và bản chất của tiếng Anh đã thay đổi theo đặc thù của một công cụ giao tiếp toàn cầu nhưng đào tạo và sử dụng tiếng Anh của người Việt vẫn còn có khuynh hướng coi mục tiêu rèn luyện năng lực ngôn ngữ sao cho giống như năng lực của người nói tiếng Anh bản ngữ (người Anh, người Mỹ, người Canada,...) là trọng tâm. Hướng tiếp cận này dường như thiếu khoa học, thiếu thực tế, thậm chí bất khả thi bởi có ít nhất 2 lí do có mối quan hệ chặt chẽ với nhau sau đây:

a) Mục đích học tiếng Anh ngày nay không đơn giản chỉ hướng đến việc tiếp xúc với văn hóa tiếng Anh bản ngữ ở vòng Tâm.

b) Mô hình văn hóa tiếng Anh bản ngữ mang lại nhiều vấn đề khó khăn về kinh tế, xã hội, khó tiếp cận cũng như tạo sự bất công cho các nước phi bản ngữ. Ví dụ, làm sao có thể đưa hàng vạn giáo viên của một quốc gia phi bản ngữ tiếng Anh sang các quốc gia vòng Tâm để học hỏi cái gọi là “văn hóa bản ngữ” trong khi chỉ cần điều chỉnh nó sao cho thích nghi với tiếng Anh toàn cầu của thế giới.

Nói cách khác, nguyên tắc “tương nhượng”, “chấp nhận”, “thấu hiểu” và “thích nghi” đã, đang và sẽ khiến cho chính giáo viên tiếng Anh thuộc vòng tâm và giáo trình, giáo án mà họ soạn ra để giúp dạy học cho người thuộc vòng ngoài và vòng mở rộng phải điều chỉnh lại mô hình văn hóa tiếng Anh. Đó là mô hình quan tâm tất cả mọi văn hóa trong ngữ cảnh giao tiếp nhưng không đặt trọng tâm lên bất kì văn hóa nào, có thể gọi đó là mô hình “phi văn hóa” đích (culture free model of target culture). Từ đó, chúng tôi có những đề xuất sau đây:

1) Coi trọng và phát triển mô hình giáo viên địa phương nói tiếng Anh phi bản ngữ. Đó chính là nguồn lực của hệ thống đào tạo tiếng Anh toàn cầu của tất cả các quốc gia không thuộc vòng

Tâm. Mặt khác, không nên đánh giá thấp, không nên thiếu tự tin về những gì mà giáo viên phi bản ngữ được đào tạo và ứng dụng trong giảng dạy khi mà họ học hỏi được rất nhiều và rất tổng hợp từ văn hóa thuộc tất cả 3 vòng (tâm, ngoài và mở rộng).

2) Ngoài lực lượng nòng cốt là giáo viên địa phương, cần đa dạng hóa giáo viên nước ngoài cả bản ngữ và phi bản ngữ nếu họ được mời giảng. Những trường hợp giáo viên địa phương được đào tạo ở các nước vòng tâm cũng là một vốn quý nhưng “sứ mệnh” của họ không phải mang về những chuẩn tắc văn hóa vòng tâm mà là khả năng và nhận thức mà họ gặt hái được từ sự trải nghiệm cả tiếng Anh bản ngữ và tiếng Anh phi bản ngữ để từ đó kết hợp hài hòa bản chất của tiếng Anh trong việc thụ đắc và sử dụng nó trong quy mô toàn cầu ở địa phương họ giảng dạy. Nói cách khác, chính họ nên là những người tiên phong trong việc kiến tạo tiếng Anh bản ngữ của vòng tâm và “những” biến thể tiếng Anh khác (Englishes) thành tiếng Anh toàn cầu hay tiếng Anh thế giới (World English).

3) Chú ý đến mục đích học tiếng Anh của người học, giáo trình và chương trình tiếng Anh để đào tạo họ. Việc đào tạo tiếng Anh nên ghi nhận và quan tâm đến mục đích của người học, vì đó chính là một vấn đề “chìa khóa” qua đó người dạy và cơ sở đào tạo thiết kế những giáo trình và chương trình phù hợp. Từ việc học của một anh lái taxi, việc đi du lịch ngắn ngày,... đến việc học để đi du học (ở những cả quốc gia vòng tâm và những vòng khác), để làm nhân viên ngoại giao, chính khách, giáo viên dạy tiếng Anh, nghiên cứu khoa học, định cư nước khác, hôn nhân khác văn hóa, chủng tộc... Tất cả hầu như đều có mục đích khác nhau, đòi hỏi khung chương trình đa dạng và phương pháp dạy càng linh động, càng hiệu quả. Hiện nay có hiện tượng đánh giá chung chuẩn năng lực tiếng Anh thông qua các kì thi IELTS và TOEFL mà các soạn giả và nhà xuất bản (chủ yếu ở vòng tâm) gọi là đánh giá năng lực “tiếng Anh trong giao tiếp quốc tế” (English in international communication). Các soạn giả có nỗ lực hỗn hợp nội dung văn hóa của đa quốc gia nhưng thực chất nội dung văn hóa chủ yếu vẫn bị khuynh hướng bởi tiếng Anh vòng tâm (Ngô Hữu Hoàng [10]).

4) Đa dạng hóa phiên bản tiếng Anh. Dạy tiếng Anh toàn cầu đúng nghĩa là làm loăng băt kì một loại tiếng Anh nào dù đó là tiếng Anh vòng tâm,... bằng cách chấp nhận chúng theo định hướng ngôn ngữ học xã học, không phải ngôn ngữ học chuẩn tắc hay hình thức. Có nghĩa là chúng đã được dùng và người học dù ở vòng nào của sơ đồ Kachru cũng có thể hiểu và chấp nhận phiên bản ấy. Việc tập trung một phiên bản và cứ khẳng khẳng cho rằng chỉ một biến thể tiếng Anh bản ngữ truyền thống nào đó (English varieties) là chuẩn đã ảnh hưởng không ít đến hiệu quả trong việc cung cấp năng lực giao tiếp toàn cầu bằng ngoại ngữ này ở Việt Nam trong thực tế.

5. Kết luận

Một số người nói tiếng Anh bản ngữ ở vòng tâm cùng với những người muốn bảo toàn sự “nguyên bản” của tiếng Anh có thể sẽ phản đối cách lí luận trên. Nhưng với hàng tỉ cuộc tiếp xúc của thế giới hàng ngày lấy tiếng Anh làm công cụ giao tiếp chung thì hệ quả là tiếng Anh đã không còn “nguyên bản” nữa, đặc biệt là văn hóa của nó. Đó là một thực tế trong giao tiếp toàn cầu hiện nay. Văn hóa tiếng Anh bản ngữ cũng được hưởng lợi từ sự bổ sung kiến thức và hành vi văn hóa

vô hạn của những dân tộc khác nhau trên thế giới khi họ sử dụng tiếng Anh như một ngôn ngữ trung gian để giao tiếp. Điều này có nghĩa là không một văn hóa nào có quyền bảo văn hóa khác hãy chào nhau bằng “How are you today?” mà không phải là một lời chào khác của chính văn hóa đó thực hiện thông qua tiếng Anh. Từ đó, phải chăng đã đến lúc nên nói văn hóa tiếng Anh toàn cầu là văn hóa “phi văn hóa” (culture-free culture).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Ngô Hữu Hoàng, *Tiếng Anh toàn cầu và Giao tiếp liên văn hóa*, Ngôn ngữ, Số 3, tr. 29-39, 2013.

Tiếng Anh

2. Baker, W., *The cultures of English as a Lingua Franca*, TESOL QUARTERLY Vol. 43, No. 4, pp. 567 to 592, 2009.

3. Crystal, D., *English as a Global language*, (Second edition), Cambridge University Press, Cambridge, 2003.

4. Crystal, D., *The Cambridge Encyclopedia of the English language*, Cambridge University Press, Cambridge, 1997.

5. Firth, A., *The discursive accomplishment of normality, On “lingua franca” English and Conversation Analysis*, Journal of Pragmatics, pp. 237-59, 1996.

6. Jenkins, J., *World Englishes*, Routledge, London, 2003.

7. Kachru, B., *Teaching world Englishes*, Indian Journal of Applied Linguistics, 15/1:85:95, 1995.

8. Kirkpatrick, A., *World Englishes: Implications for international communication and English language teaching*, Cambridge University Press, Cambridge, 2007.

9. McKay, S., *Teaching English as an international language: Rethinking goals and approaches*, OUP, 2005.

10. Ngô, Hữu Hoàng, *Rethinking the TOEIC test as an English proficiency*, Language and Life Journal, 11B (319), 2021.

11. Smith, L. E., *English as an international auxiliary language*, RELC Journal, vol. 7, no. 2, pp. 38-42, Language, Longman, London, 1976.

12. TomalinB., *Culture - the fifth language skill*, 2008 (at <http://www.teachingenglish.org.uk/think7articles/culture-fifth-language-skill>).

13. Wardhaugh, R., *Language in competition: Dominance, diversity and decline*, Blackwell, Oxford, 1987.